TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-ST
Ngày: 02 - 4 - 2021
V/v "tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tho.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trương Thị Kim Cương;
2. Ông La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 752/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp "hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXX-DS ngày 05/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh M; chức vụ: Phó phòng giao dịch Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Ngân hàng Thương mại cổ phần S, văn bản ủy quyền ngày 01/02/2021, xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Yến P, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/5/2018, bà Ngô Thị Yến P có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng S) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, sau đây gọi tắt là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân; cụ thể: loại thẻ tín dụng quốc tế;

số thẻ 356480-1756; lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 24.294.350 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.940.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đình kèm). Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Từ tháng 10/2019 đến tháng 12/2019, bà P ngưng không trả cho Ngân hàng bất kì số tiền nào, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 22/01/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà P; đồng thời chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 21.006.830 đồng (bao gồm dư nợ đầu kì: 20.150.363 đồng; phí trễ hạn: 281.571 đồng; lãi: 524.896 đồng; phí VHM: 50.000đồng) sang nợ quá hạn dựa trên quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tiền gốc được xác định là 21.006.830 đồng với lãi suất 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 3.9%/tháng (2.6% x 150%).

Sau khi chấm dứt việc sử dụng thẻ, Ngân hàng đã tiến hành thu hồi toàn bộ số nợ bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 22/01/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn dựa trên quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng trên số tiền gốc 21.006.830 đồng với lãi suất 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là 3.9%/tháng (2.6% x 150%).

Ngân hàng đã tiến hành thu hồi toàn bộ số nợ bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà P phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2021 là 33.760.133 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 21.006.830 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.753.303 đồng. Ngoài ra, bà P còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà P tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng bà P vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng S khởi kiện bà Ngô Thị Yến P phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được Ngân hàng phê duyệt ngày 18/5/2018, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", bà P có địa chỉ cư trú tại xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Long An, nên căn cứ vào khoản 3 Điều

26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh M có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Ngô Thị Yến P đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; đã được triệp tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Huỳnh Thanh M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà P.

[3] Về nội dung:

Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S: Về bản chất, đây là hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà P phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết với tổng số tiền tính đến ngày 02/4/2021 là 33.760.133 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 21.006.830 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.753.303 đồng.

Theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/5/2018. Ngân hàng đã cấp cho bà P thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với số tiền 24.294.350 đồng đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.940.000 đồng. Sau đó, bà P ngưng không thanh toán nữa mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Như vậy, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/5/2018 của Ngân hàng. Đến ngày 22/01/2020, Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (bao gồm dư nợ đầu kì: 20.150.363 đồng; phí trễ hạn: 281.571 đồng; lãi: 524.896 đồng; phí VHM: 50.000đồng; tổng: 21.006.830 đồng) sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/5/2018. Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 21.006.830 đồng áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu trả lãi sau ngày tòa xét xử sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng sau ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị Yến P phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 02/4/2021 là 33.760.133 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 21.006.830 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.753.303 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010; Điều 11 của Quy chế phát hành, sử dụng, thanh toán thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 371/1999/QĐ-NHNN1 ngày 19/10/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Ngô Thị Yến P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 33.760.133 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 21.006.830 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.753.303 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Ngô Thị Yến P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/5/2018 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Về án phí:

Bà Ngô Thị Yến P phải chịu 1.688.007 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 763.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án 0007029 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Tho